



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ
ĐÌNH VŨ**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hữu An	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Tiên Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Bằng	Thành viên
Ông Đỗ Huy Thế	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Bằng	Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Phách	Phó Giám đốc
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Giám đốc
Ông Vũ Văn Hùng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

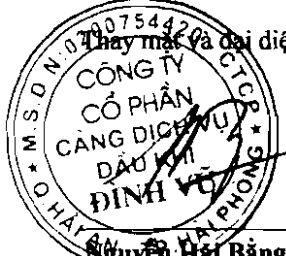
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hải Bằng
Giám đốc

Ngày 09 tháng 02 năm 2015

Số: 524 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 02 năm 2015, từ trang 03 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyễn

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 02 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Thị Ngọc Hà

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1960-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		190.211.375.762	160.290.628.067
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	58.328.188.847	85.444.748.852
1. Tiền	111		10.328.188.847	5.373.175.634
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.000.000.000	80.071.573.218
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.819.627.245	64.233.691.159
1. Phải thu khách hàng	131	6	30.453.435.162	47.379.331.604
2. Trả trước cho người bán	132	7	25.646.936.631	14.692.524.551
3. Các khoản phải thu khác	135		1.719.255.452	2.297.830.605
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(135.995.601)
III. Hàng tồn kho	140		10.338.046.919	6.341.493.853
1. Hàng tồn kho	141		10.338.046.919	6.341.493.853
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		63.725.512.751	4.270.694.203
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.711.592.751	4.263.955.519
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	6.738.684
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	62.013.920.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		468.414.981.423	490.470.730.499
I. Tài sản cố định	220		309.038.555.937	324.007.876.645
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	305.526.560.080	323.290.341.229
- Nguyên giá	222		400.365.856.350	396.982.452.492
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(94.839.296.270)	(73.692.111.263)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	36.815.287	70.798.615
- Nguyên giá	228		327.550.000	327.550.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(290.734.713)	(256.751.385)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		3.475.180.570	646.736.801
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	34.186.022.156	35.780.027.383
1. Đầu tư dài hạn khác	258		37.500.000.000	37.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.313.977.844)	(1.719.972.617)
III. Tài sản dài hạn khác	260		125.190.403.330	130.682.826.471
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	125.190.403.330	130.682.826.471
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		658.626.357.185	650.761.358.566

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		241.812.335.127	292.991.935.284
I. Nợ ngắn hạn	310		69.552.829.738	79.080.356.254
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	35.642.510.104	32.513.390.720
2. Phải trả người bán	312		10.878.750.183	28.779.340.875
3. Người mua trả tiền trước	313		262.877.042	320.271.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.328.031.414	256.675.951
5. Phải trả người lao động	315		17.379.623.225	7.285.128.626
6. Chi phí phải trả	316	14	2.192.797.937	8.682.168.634
7. Phải trả nội bộ	317		486.618.901	287.029.040
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		777.911.981	63.340.675
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		603.708.951	893.010.233
II. Nợ dài hạn	330		172.259.505.389	213.911.579.030
1. Phải trả dài hạn khác	333		38.000.000	38.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	172.221.505.389	213.873.579.030
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		416.814.022.058	357.769.423.282
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	416.814.022.058	357.769.423.282
1. Vốn điều lệ	411		400.000.000.000	367.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(140.000.000)	(140.000.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	420		16.954.022.058	(9.090.576.718)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		658.626.357.185	650.761.358.566

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2013
I. Ngoại tệ		
+ USD	90.437	15.078
+ EUR	275	275



Lương Quốc Phương
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 02 năm 2015



Đặng Kiến Nghiệp
Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Bằng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2014	2013
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	282.559.405.742	187.476.967.373
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	216.441.779.106	142.035.487.874
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		66.117.626.636	45.441.479.499
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.723.762.665	2.116.039.851
5. Chi phí tài chính	22	19	16.517.585.330	21.487.568.763
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.560.645.767	20.058.304.006
6. Chi phí bán hàng	24		8.435.895.404	1.778.480.137
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.894.709.986	13.557.460.173
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		25.993.198.581	10.734.010.277
9. Thu nhập khác	31		1.077.467.975	748.594.971
10. Chi phí khác	32		1.026.067.780	336.200.053
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		51.400.195	412.394.918
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26.044.598.776	11.146.405.195
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		26.044.598.776	11.146.405.195
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	662	337

Lương Quốc Phương
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 02 năm 2015

Đặng Kiến Nghiệp
Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Bằng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨKhu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>26.044.598.776</i>	<i>11.146.405.195</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	21.211.831.649	20.112.816.803
Các khoản dự phòng	03	1.458.009.626	1.010.615.269
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(20.703.295)	(5.557.312)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.754.579.340)	(2.109.297.284)
Chi phí lãi vay	06	14.560.645.767	20.058.304.006
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>57.499.803.183</i>	<i>50.213.286.677</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	16.486.590.597	686.619.634
Thay đổi hàng tồn kho	10	(3.996.553.066)	(2.328.057.788)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	(392.214.434)	16.783.023.930
Thay đổi chi phí trả trước	12	8.044.785.909	4.565.441.685
Tiền lãi vay đã trả	13	(19.494.818.849)	(20.978.681.208)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.414.550.000	8.366.020.163
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (*)	16	(64.861.842.000)	(8.917.041.963)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(4.299.698.660)</i>	<i>48.390.611.130</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(21.940.416.171)	(6.364.834.042)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	22	114.080.000	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	5.702.071.812	2.037.982.002
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(16.124.264.359)</i>	<i>(4.326.852.040)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	33.000.000.000	37.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.000.000.000	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(44.708.000.000)	(29.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(6.708.000.000)</i>	<i>8.000.000.000</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>(27.131.963.019)</i>	<i>52.063.759.090</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	85.444.748.852	33.377.184.145
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	15.403.014	3.805.617
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	58.328.188.847	85.444.748.852

Thông tin bổ sung

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 327.440.600 VND (năm 2013 là 5.154.747.308 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung (Tiếp theo)

(*) Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh bao gồm số tiền 62.013.920.000 VND là khoản ký quỹ mở L/C và khoản cầm cố các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn làm tài sản đảm bảo cho hạn mức tín dụng mở L/C phục vụ dự án mở rộng cầu cảng PTSC Đình Vũ tại ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - chi nhánh Hải Phòng.



Lương Quốc Phương
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 02 năm 2015



Đặng Kiến Nghiệp
Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Bằng
Giám đốc

0112
CÔNG
H NHIỆP
ĐELO
ỆT
ĐA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 40 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000007 ngày 09 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Hải Phòng cấp; Giấy phép kinh doanh số 0204000112 ngày 02 tháng 01 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết UPCoM với mã cổ phiếu là PSP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 235 người (31 tháng 12 năm 2013: 222 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là vận tải hàng hoá bằng đường bộ, vận tải đường thủy, kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải, cho thuê xe có động cơ, cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu ích khác, hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác như vận hành, khai thác cụm cảng container và các dịch vụ căn cứ hậu cần phục vụ hoạt động dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

0 -
TY
-UU-
TE
IAA
P.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tài sản tài chính khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, phải trả nội bộ, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

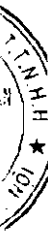
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

	2014 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm vi tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm vi tính là 3 năm.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị tài sản thuần của bên nhận góp vốn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước tiền thuê 138.269 m² đất tại Khu Công nghiệp Đình Vũ - Hải Phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Cầu Cảng phục vụ Khu công nghiệp Đình Vũ và Dịch vụ Dầu Khí tổng hợp, thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Chi phí thuê đất được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 466 tháng kể từ ngày bắt đầu sử dụng đất đến hết thời gian thuê.

Quyền sử dụng đất tại lô CN2.1A, Khu Công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với số tiền 3.392.190.000 đồng do Công ty Cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn Gia súc (Proconco) góp theo thỏa thuận giữa hai công ty theo Nghị quyết số 58/NQ-PTSCĐV-HĐQT ngày 04 tháng 10 năm 2011. Chi phí thuê đất được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 418 tháng kể từ ngày bắt đầu sử dụng đến hết thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành có liên quan.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Công ty không trích trước trợ cấp thôi việc cho nhân viên mà thực hiện ghi nhận chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi chi trả thực tế cho nhân viên thôi việc.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

2014
CÔNG
CƠ NH
DEL
VIỆ
B D

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm đầu kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 22% trong những năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn giảm thuế được tính từ năm thứ tư. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế do không chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các lợi ích thuế của khoản mục này.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	626.171.960	291.922.835
Tiền gửi ngân hàng	9.702.016.887	5.081.252.799
Các khoản tương đương tiền (i)	48.000.000.000	80.071.573.218
	<u>58.328.188.847</u>	<u>85.444.748.852</u>

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	17.655.493.357	10.847.212.669
Phải thu khách hàng khác	12.797.941.805	36.532.118.935
	<u>30.453.435.162</u>	<u>47.379.331.604</u>

Dựa trên tỷ lệ không trả được nợ trong quá khứ và trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi nợ từ các khách hàng, Công ty tin rằng Công ty đã đánh giá đầy đủ khả năng thu hồi các khoản phải thu thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo đúng hướng dẫn trích lập dự phòng trong Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Kết quả phân tích tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chưa đến hạn thanh toán	13.696.915.273	24.591.687.492
Quá hạn dưới 6 tháng	16.756.519.889	22.787.644.112
	<u>30.453.435.162</u>	<u>47.379.331.604</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ (i)	14.101.024.551	14.101.024.551
Công ty KIROW ARDELTE GmbH	9.982.296.000	-
Nhà cung cấp khác	1.563.616.080	591.500.000
	<u>25.646.936.631</u>	<u>14.692.524.551</u>

(i) Phản ánh khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ theo Hợp đồng số DVIZJSC.037.2011.MKG.LLC được ký ngày 27 tháng 12 năm 2011 với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ về việc thuê khu đất rộng 12.106 mét vuông trong khu đất CN2.1B. Hiện tại, khu đất đang trong giai đoạn hoàn thiện mặt bằng để tiến hành bàn giao cho Công ty.

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác phản ánh khoản ký quỹ mở L/C và khoản cầm cố các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn làm tài sản đảm bảo cho hạn mức tín dụng mở L/C phục vụ dự án mở rộng cầu cảng PTSC Đình Vũ tại ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	231.666.676.789	123.762.565.525	40.919.799.149	633.411.029	396.982.452.492
Tăng trong năm	-	105.000.000	1.937.854.546	-	2.042.854.546
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.545.458.091	-	-	-	1.545.458.091
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(127.408.779)	-	(127.408.779)
Giảm khác	-	(77.500.000)	-	-	(77.500.000)
Tại ngày 31/12/2014	233.212.134.880	123.790.065.525	42.730.244.916	633.411.029	400.365.856.350
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	42.300.340.125	17.152.410.480	13.979.078.166	260.282.492	73.692.111.263
Khấu hao trong năm	10.254.425.862	6.578.980.379	4.326.145.596	146.687.766	21.306.239.603
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(127.408.779)	-	(127.408.779)
Giảm khác	-	(31.645.817)	-	-	(31.645.817)
Tại ngày 31/12/2014	52.554.765.987	23.699.745.042	18.177.814.983	406.970.258	94.839.296.270
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	180.657.368.893	100.090.320.483	24.552.429.933	226.440.771	305.526.560.080
Tại ngày 31/12/2013	189.366.336.664	106.610.155.045	26.940.720.983	373.128.537	323.290.341.229

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.606.352.226 VND (31 tháng 12 năm 2013: 2.940.497.639 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 - "Vay và nợ dài hạn", Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải năm trong giá trị đầu tư của Dự án "Đầu tư xây dựng cầu cảng phục vụ khu Công nghiệp Đình Vũ và dịch vụ Dầu khí tổng hợp" với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 232.577.599.925 VND (31 tháng 12 năm 2013: 241.377.499.697 VND) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm vi tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	327.550.000
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2014	<u>327.550.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	256.751.385
Khấu hao trong năm	33.983.328
Tại ngày 31/12/2014	<u>290.734.713</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	<u>36.815.287</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>70.798.615</u>

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư dài hạn khác (i)	37.500.000.000	37.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (ii)	(3.313.977.844)	(1.719.972.617)
	<u>34.186.022.156</u>	<u>35.780.027.383</u>

(i) Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải) trong năm 2010 bằng tiền mặt, tài sản gắn liền với đất thuê, lợi thế quyền thuê đất tại số 441 (số cũ 427) đường Đà Nẵng, phường Đông Hải I, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với tổng giá trị đầu tư là 37.500.000.000 VND.

(ii) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu thập báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC Duyên Hải cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để xem xét, đánh giá lập trích dự phòng cho khoản đầu tư của Công ty tại công ty này. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này với số tiền 3.313.977.844 VND theo hướng dẫn của Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 28 tháng 6 năm 2013.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Giá trị quyền sử dụng đất	124.616.395.331	128.470.510.655
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản	-	348.174.495
Khác	574.007.999	1.864.141.321
	<u>125.190.403.330</u>	<u>130.682.826.471</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.063.861.968	256.675.951
Thuế thu nhập cá nhân	264.169.446	-
	<u>1.328.031.414</u>	<u>256.675.951</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.229.666.384	7.348.885.209
Chi phí phải trả khác	963.131.553	1.333.283.425
	<u>2.192.797.937</u>	<u>8.682.168.634</u>

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	179.171.582.431	222.671.582.431
Chi phí lãi vay (ii)	24.900.433.062	23.715.387.319
Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng (iii)	3.792.000.000	-
	<u>207.864.015.493</u>	<u>246.386.969.750</u>
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	35.642.510.104	32.513.390.720
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>31.312.000.000</i>	<i>29.000.000.000</i>
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>4.330.510.104</i>	<i>3.513.390.720</i>
Số phải trả sau 12 tháng	172.221.505.389	213.873.579.030

(i) Đây là khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank) - Chi nhánh Hải Phòng (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng). Theo đó, tổng giá trị khoản vay có thể đạt đến 266.737.093.000 VND, thời hạn cho vay là 12 năm, ân hạn nợ gốc 3 năm và ân hạn nợ lãi 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay là để đầu tư xây dựng nhà xưởng, cầu cảng, kho bãi và mua sắm thiết bị cho Dự án "Đầu tư xây dựng Cầu Cảng phục vụ Khu công nghiệp Đình Vũ và Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp". Lãi suất được xác định 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động tiền gửi VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng (+) 0,1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải nằm trong giá trị đầu tư của dự án. Theo Hợp đồng vay và Phụ lục hợp đồng tín dụng số PL08-19/TT-DH/PVFCHP08 ngày 26 tháng 8 năm 2014, Công ty sẽ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng 29,5 tỷ VND trong năm 2015, và 30 tỷ VND từ năm 2016 đến năm 2019. Số tiền vay còn lại sẽ được thanh toán hết trong năm 2020.

(ii) Chi phí lãi vay phản ánh khoản lãi vay phải trả PVcomBank - Chi nhánh Hải Phòng trong thời gian ân hạn theo Phụ lục hợp đồng tín dụng số 6A/PVFHP-PTSC-LAH ngày 27 tháng 9 năm 2011, theo đó, toàn bộ lãi vay phát sinh trong thời gian ân hạn của Hợp đồng tín dụng số 19/TT-DH/PVFCHP08 ngày 13 tháng 5 năm 2008 được trả trong vòng 6 năm, mỗi năm 3.513.390.720 VND kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2014. Ngoài ra, khoản chi phí lãi vay phát sinh trong thời gian ân hạn mà Công ty trả sau thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ không được thực hiện hỗ trợ lãi suất, theo đó phần lãi vay này sẽ được trả hàng tháng trong vòng 5 năm, mỗi năm 817.119.384 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(iii) Phản ánh khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số 84/TDH/2013/360 ngày 18 tháng 12 năm 2013 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng với số tiền 5.000.000.000 VND để mua 01 xe nâng Reachstacker đã qua sử dụng. Lãi suất được xác định 3 tháng/lần bằng bình quân lãi suất tiết kiệm thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của 03 tổ chức tín dụng là TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cộng (+) 3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	31.312.000.000	29.000.000.000
Trong năm thứ hai	31.812.000.000	32.278.597.072
Sau hai năm	119.839.582.431	161.392.985.359
	<u>182.963.582.431</u>	<u>222.671.582.431</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	31.312.000.000	29.000.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>151.651.582.431</u>	<u>193.671.582.431</u>

Nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.330.510.104	3.513.390.720
Trong năm thứ hai	4.330.510.104	3.513.390.720
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	12.991.530.312	10.540.172.160
Sau năm năm	3.247.882.542	6.148.433.719
	<u>24.900.433.062</u>	<u>23.715.387.319</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	4.330.510.104	3.513.390.720
Số phải trả sau 12 tháng	<u>20.569.922.958</u>	<u>20.201.996.599</u>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Thặng dư vốn</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa</u>	<u>Tổng</u>
	VND	cổ phần	phân phối / (Lỗ lũy kế)	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	330.000.000.000	(140.000.000)	(20.236.981.913)	309.623.018.087
Vốn góp trong năm	37.000.000.000	-	-	37.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	11.146.405.195	11.146.405.195
Số dư tại ngày 01/01/2014	<u>367.000.000.000</u>	<u>(140.000.000)</u>	<u>(9.090.576.718)</u>	<u>357.769.423.282</u>
Vốn góp trong năm	33.000.000.000	-	-	33.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	26.044.598.776	26.044.598.776
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>400.000.000.000</u>	<u>(140.000.000)</u>	<u>16.954.022.058</u>	<u>416.814.022.058</u>

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 674.374.193.000 VND và 330.000.000.000 VND. Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ lên 400.000.000.000 VND từ năm 2013. Đến ngày 14 tháng 3 năm 2014, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ. Công ty đang làm thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)***Vốn đầu tư và vốn điều lệ (Tiếp theo)*

	Vốn đã góp tại ngày			
	31/12/2014		31/12/2013	
	%	VND	%	VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	51,00%	204.000.000.000	55,59%	204.000.000.000
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	17,63%	70.500.000.000	10,22%	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất thức ăn Gia súc	5,41%	21.646.000.000	5,90%	21.646.000.000
Các cổ đông khác	25,96%	103.854.000.000	28,29%	103.854.000.000
	100%	400.000.000.000	100%	367.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	36.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	36.700.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	33.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	VND	VND
Dịch vụ căn cứ Cảng	237.950.456.825	164.990.043.705
Dịch vụ kinh doanh bán lẻ nhiên liệu	3.668.591.820	3.525.442.459
Dịch vụ khác (i)	40.940.357.097	18.961.481.209
	282.559.405.742	187.476.967.373

(i) Dịch vụ khác bao gồm các dịch vụ cung cấp nhân lực, cho thuê tàu, cung cấp dầu v.v...

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	VND	VND
Dịch vụ căn cứ Cảng	174.047.196.969	122.275.186.044
Dịch vụ kinh doanh bán lẻ nhiên liệu	3.618.870.732	3.466.171.064
Dịch vụ khác	38.775.711.405	16.294.130.766
	216.441.779.106	142.035.487.874

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.560.645.767	20.058.304.006
Lỗi chênh lệch tỷ giá phân bổ	348.174.495	451.747.632
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.720.330	502.785
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.039.511	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.594.005.227	977.014.340
	16.517.585.330	21.487.568.763

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	26.044.598.776	11.146.405.195
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.044.598.776	11.146.405.195
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	39.349.041	33.050.685
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	662	337

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	10.086.680.603	8.159.445.782
Chi phí nhân công	56.616.384.290	34.605.257.733
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.211.831.649	20.112.816.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.487.053.820	88.358.974.427
Chi phí khác bằng tiền	6.506.429.735	6.134.933.439
	245.908.380.097	157.371.428.184

22. KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản cam kết thanh toán mở L/C mua máy móc thiết bị phục vụ mở rộng cầu cảng PTSC Đình Vũ với số tiền 1.938.000 EUR.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính (Tiếp theo)*

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	182.963.582.431	222.671.582.431
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	58.328.188.847	85.444.748.852
Nợ thuần	124.635.393.584	137.226.833.579
Vốn chủ sở hữu	416.814.022.058	357.769.423.282
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	30%	38%

Các khoản vay bao gồm các khoản vay dài hạn và vay dài hạn đến hạn trả.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.328.188.847	85.444.748.852
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.172.690.614	49.541.166.608
Đầu tư dài hạn khác	34.186.022.156	35.780.027.383
Tài sản tài chính khác	37.700.000.000	-
Tổng cộng	<u>162.386.901.617</u>	<u>170.765.942.843</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	207.864.015.493	246.386.969.750
Phải trả người bán và phải trả khác	11.569.855.099	28.818.481.550
Phải trả nội bộ	486.618.901	287.029.040
Chi phí phải trả	2.192.797.937	8.682.168.634
Công nợ tài chính khác	38.000.000	38.000.000
Tổng cộng	<u>222.151.287.430</u>	<u>284.212.648.974</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	-	-	2.987.615.758	733.671.038
<i>Euro (EUR)</i>	-	-	7.022.106	7.942.078

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 3.583.431.649 VND (2013: 4.453.431.649 VND).

	Tăng/ Giảm lãi suất	Ảnh hưởng tới lợi
		nhuận trước thuế
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(3.583.431.649)
VND	(200)	3.583.431.649
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+200	(4.453.431.649)
VND	(200)	4.453.431.649

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trong năm thứ hai VND	Trên 2 năm VND	Tổng VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.328.188.847	-	-	58.328.188.847
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.172.690.614	-	-	32.172.690.614
Đầu tư dài hạn khác	-	-	34.186.022.156	34.186.022.156
Tài sản tài chính khác	37.700.000.000	-	-	37.700.000.000
Tổng cộng	128.200.879.461	-	34.186.022.156	162.386.901.617
31/12/2014				
Các khoản vay và nợ	35.642.510.104	36.142.510.104	136.078.995.285	207.864.015.493
Phải trả người bán và phải trả khác	11.569.855.099	-	-	11.569.855.099
Phải trả nội bộ	486.618.901	-	-	486.618.901
Chi phí phải trả	2.192.797.937	-	-	2.192.797.937
Công nợ tài chính khác	-	-	38.000.000	38.000.000
Tổng cộng	49.891.782.041	36.142.510.104	136.116.995.285	222.151.287.430
Chênh lệch thanh khoản thuần	78.309.097.420	(36.142.510.104)	(101.930.973.129)	(59.764.385.813)
	Dưới 1 năm VND	Trong năm thứ hai VND	Trên 2 năm VND	Tổng VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.444.748.852	-	-	85.444.748.852
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.541.166.608	-	-	49.541.166.608
Đầu tư dài hạn khác	-	-	35.780.027.383	35.780.027.383
Tổng cộng	134.985.915.460	-	35.780.027.383	170.765.942.843
31/12/2013				
Các khoản vay và nợ	32.513.390.720	35.791.987.792	178.081.591.238	246.386.969.750
Phải trả người bán và phải trả khác	28.818.481.550	-	-	28.818.481.550
Phải trả nội bộ	287.029.040	-	-	287.029.040
Chi phí phải trả	8.682.168.634	-	-	8.682.168.634
Công nợ tài chính khác	-	-	38.000.000	38.000.000
Tổng cộng	70.301.069.944	35.791.987.792	178.119.591.238	284.212.648.974
Chênh lệch thanh khoản thuần	64.684.845.516	(35.791.987.792)	(142.339.563.855)	(113.446.706.131)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất thức ăn Gia súc	Cổ đông
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam- Xi nghiệp Cảng Viconship	Thuộc Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Trong năm, Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Nhận góp vốn từ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	37.000.000.000
Nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Container Việt Nam	33.000.000.000	-
Trả gốc vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	43.500.000.000	29.000.000.000
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	18.486.288.849	20.058.304.006
Lãi vay đã trả Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	19.096.772.161	20.978.681.208
Mua hàng hóa, dịch vụ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	34.151.663.294	-
Đã trả tiền mua hàng hóa dịch vụ cho chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	39.470.091.535	-
<i>Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát chuyên trách và Ban Giám đốc</i>		
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	3.368.694.289	2.066.770.741

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan:*

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền gửi Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	1.063.192.684	26.876.467.129
Cầm cố, ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	62.013.920.000	-
Vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	179.171.582.431	222.671.582.431
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	26.123.279.112	31.064.272.528
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	486.618.901	287.029.040
Phải thu Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	1.838.271.600
Phải trả Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	-	5.318.428.241
Phải thu Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam - Xí nghiệp Cảng Viconship	17.655.493.357	9.008.941.069

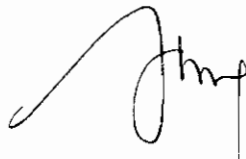
25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.



Lương Quốc Phương
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 02 năm 2015



Đặng Kiến Nghiệp
Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Bằng
Giám đốc
